

BẢN SỐ: 09

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THANH TRA BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 116 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

MẬT

GIẢI MẬT
TỪ: 09/10/2024, ngày 01/11/2024

KẾT LUẬN THANH TRA

**Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác quản lý tài chính;
quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện các dự án cải tạo,
mua sắm trang thiết bị trong các năm 2021, 2022, 2023 tại
Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam**

Thực hiện Quyết định số 117/QĐ-TTr ngày 24/6/2024 của Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác quản lý tài chính; quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện các dự án cải tạo, mua sắm trang thiết bị trong các năm 2021, 2022, 2023 tại Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam, từ ngày 26/6/2024 đến ngày 26/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/9/2024 của Trường đoàn thanh tra và ý kiến giải trình tại Công văn số 236/CV-TCXTKVN ngày 18/10/2024 của Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam.

Chánh Thanh tra Bộ kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Trường) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về chuyên ngành xiếc, tạp kỹ và một số chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn có trình độ trung cấp.

Theo Quyết định số 3473/QĐ-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam, Trường là cơ sở đào tạo diễn viên Xiếc chuyên nghiệp và dàn dựng các thể loại tiết mục cho ngành xiếc Việt Nam và nước ngoài với quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á với các hệ đào tạo dài hạn chính quy (5 năm), hệ vừa học vừa làm (2 năm) và đào tạo ngắn hạn (tập huấn, bồi dưỡng nâng cao và cấp chứng chỉ).

Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, có địa điểm tại Khu Văn hóa nghệ thuật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Cơ cấu, tổ chức

- Lãnh đạo Trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- 04 phòng chức năng: Phòng Hành chính, Tổng hợp; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;
- 03 Khoa: khoa Xiếc; khoa TẠp kỹ; khoa Văn hóa phổ thông;
- 02 tổ chức trực thuộc: nhà hát Thể nghiệm; thư viện trường.

3. Số lượng công chức, viên chức, người lao động

- Năm 2021: Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-BVHTTDL ngày 20/01/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2021: Số lượng viên chức và hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền giao là: 54 người, trong đó Biên chế viên chức: 49 người; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 05 người.

Tổng số viên chức và người lao động của Trường có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2021: 68 người, trong đó viên chức: 46 người Hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP: 05 người; Hợp đồng khác: 17 người.

- Năm 2022: Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-BVHTTDL ngày 09/5/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022, số lượng viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao là: 52 người.

Tổng số viên chức và người lao động của Trường có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2022: 65 người, trong đó biên chế viên chức: 44 người; hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP: 05 người; Hợp đồng khác: 16 người.

- Năm 2023: Căn cứ Quyết định số 1269/QĐ-BVHTTDL ngày 17/5/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023: số lượng viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao là: 52 người.

Tổng số viên chức và người lao động của Trường có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2023: 69 người, trong đó biên chế viên chức: 43 người; hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 05 người; hợp đồng khác: 21 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác lập dự toán

Căn cứ Công văn số 2686/BVHTTDL-KHTC ngày 22/7/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xây dựng dự toán ngân sách hành chính, sự nghiệp năm 2021 và 3 năm 2021-2023; Công văn số 2361/BVHTTDL-KHTC ngày 06/7/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xây dựng dự toán ngân sách hành chính, sự nghiệp năm 2022 và 3 năm 2022-2024; Công văn số 2303/BVHTTDL-KHTC ngày 30/6/2022 về việc xây dựng dự toán ngân sách hành chính, sự nghiệp năm 2023 và 3 năm 2023-2025; căn cứ kết quả thực hiện thu 6 tháng đầu năm và dự báo tình hình 6 tháng cuối năm, Trường đã xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

Cụ thể:

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	Kinh phí thường xuyên	9,388,000,000	9,362,000,000	9,745,000,000
II	Kinh phí không thường xuyên	2,872,000,000	7,175,000,000	8,174,000,000
1	Kinh phí đào tạo học sinh Lào	1,372,000,000	1,470,000,000	1,382,000,000
2	Kinh phí đào tạo tài năng	1,250,000,000	1,455,000,000	1,200,000,000
3	Kinh phí cấp bù học phí	150,000,000	300,000,000	492,000,000
4	Kinh phí mua máy photocopy	100,000,000	-	100,000,000
5	Kinh phí "Sửa chữa khu nuôi thú"	-	3,950,000,000	-
6	Kinh phí "Sửa chữa nhà 4 tầng"	-	-	5,000,000,000
III	Dự toán thu	784,500,000	3,453,881,211	3,044,008,985
	Tổng cộng	13,044,500,000	19,990,881,211	20,963,008,985

Về cơ bản, Trường thực hiện lập dự toán đảm bảo thời gian quy định, đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên cơ sở thuyết minh tình hình thực hiện và ước thực hiện của các năm trước.

2. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Căn cứ Quyết định số 2859/QĐ-BVHTTDL ngày 06/8/2018 và Quyết định số 3318/QĐ-BVHTTDL ngày 03/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập, Trường được phân loại đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (mức tự bảo đảm chi thường xuyên 7,1%).

Theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Trường đã xây dựng và ban hành Quyết định số 168/QĐ-TCXTKVN ngày 28/9/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại Trường, áp dụng từ 01/10/2020 đến 31/12/2021. Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Trường đã xây dựng và ban hành Quyết định số 179/QĐ-TCXTKVN ngày 28/12/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại Trường, áp dụng từ 01/01/2022 đến tháng 12/2023.

2.1. Về trình tự, thủ tục

Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo các căn cứ pháp lý hiện hành, một số nội dung theo đặc thù, tình hình thực tế của Trường, về cơ bản theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Khi xây dựng Quy chế, Trường đã tổ chức thảo luận, lấy ý kiến thống nhất của tập thể lãnh đạo, viên chức, người lao động theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2.2. Về nội dung

Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đã quy định các chế độ, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đảm bảo hoạt động thường xuyên, các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ của Trường. Tuy nhiên, còn một số tồn tại:

- Khoản 15.3, Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021 quy định chi khoản cước phí sử dụng điện thoại cố định và di động chưa đúng định mức và đối tượng quy định tại Điều 4, Quyết định số 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Điểm 16.2.4, Khoản 16, Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021 quy định: “Trường chi công tác phí khoán hàng tháng cho các phòng có cán bộ, nhân viên thường xuyên phải đi công tác lưu động (Phòng Hành chính tổng hợp 800.000đồng/tháng; các phòng, khoa chức năng khoán từ 200.000đồng/tháng đến 500.000đồng/tháng; nhà hát Thể nghiệm 200.000đồng/tháng) để các phòng họp và tự phân bổ kinh phí cụ thể cho từng cá nhân”. Như vậy đối tượng chi (phòng, khoa) và mức chi chưa đúng với Điều 8, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định: “Tiền công tác phí khoán theo tháng áp dụng cho cá nhân thường xuyên đi công tác lưu động từ 10 ngày/tháng trở lên (không áp dụng cho phòng) và thủ trưởng đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho

cá nhân đi công tác lưu động thường xuyên từ 10 ngày/tháng trở lên để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.”

- Tại Quyết định số 33/QĐ-TCXTKVN ngày 28/02/2023 sửa đổi, bổ sung Điểm 16.2.4, Khoản 16, Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ đã quy định chi khoản công tác phí cho cán bộ, nhân viên thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể đối tượng được hưởng và mức chi cho từng cá nhân.

2.3. Về thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Trường thực hiện trong năm 2021, 2022, 2023 về cơ bản theo nội dung, đối tượng, định mức đã quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, một số khoản chi Trường quy định trong quy chế nhưng chưa thực hiện được: chi thu nhập tăng thêm, chi tháng lương thứ 13. Còn chi một số khoản chưa được quy định cụ thể trong Quy chế như: chi hỗ trợ các tổ chức ngoài đơn vị, chi phụ cấp kiêm nhiệm, chi đào tạo các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ.

3. Nguồn thu

Nguồn thu của Trường gồm: NSNN, các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ.

Cụ thể như sau:

Đơn vị: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	444,054,858	435,132,447
1	Ngân sách Nhà nước	-	444,054,858	435,132,447
1.1	Kinh phí thường xuyên	-	444,054,858	435,132,447
1.2	Kinh phí không thường xuyên	-	-	-
1.3	Kinh phí đề tài khoa học	-	-	-
2	Các nguồn thu khác	-	-	-
II	Dự toán được giao trong năm (NS)	12,260,000,000	16,537,000,000	17,919,000,000
1	Kinh phí thường xuyên	9,388,000,000	9,362,000,000	9,745,000,000
2	Kinh phí không thường xuyên	2,872,000,000	7,175,000,000	8,174,000,000
	- Kinh phí đào tạo học sinh Lào	1,372,000,000	1,470,000,000	1,382,000,000

	- Kinh phí đào tạo tài năng	1,250,000,000	1,455,000,000	1,200,000,000
	- Kinh phí cấp bù học phí	150,000,000	300,000,000	492,000,000
	- Kinh phí mua máy photocopy	100,000,000	-	100,000,000
	- Kinh phí "Sửa chữa khu nuôi thú"	-	3,950,000,000	-
	- Kinh phí "Sửa chữa nhà 4 tầng"	-	-	5,000,000,000
III	Kinh phí được sử dụng trong năm	13,014,140,000	20,434,936,069	21,398,141,432
1	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	12,260,000,000	16,981,054,858	18,354,132,447
1.1	Kinh phí thường xuyên	9,388,000,000	9,806,054,858	10,180,132,447
1.2	Kinh phí không thường xuyên	2,872,000,000	7,175,000,000	8,174,000,000
	- Kinh phí đào tạo học sinh Lào	1,372,000,000	1,470,000,000	1,382,000,000
	- Kinh phí đào tạo tài năng	1,250,000,000	1,455,000,000	1,200,000,000
	- Kinh phí cấp bù học phí	150,000,000	300,000,000	492,000,000
	- Kinh phí mua máy photocopy	100,000,000	-	100,000,000
	- Kinh phí "Sửa chữa khu nuôi thú"	-	3,950,000,000	-
	- Kinh phí "Sửa chữa nhà 4 tầng"	-	-	5,000,000,000
2	Các nguồn thu khác	754,140,000	3,453,881,211	3,044,008,985
2.1	Thu học phí	52,140,000	106,000,000	189,116,425
2.2	Thu khác	702,000,000	3,347,881,211	2,854,892,560
IV	Kinh phí thực hiện trong năm	11,441,539,702	19,582,159,481	20,840,346,661
1	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	10,657,039,702	16,128,278,270	17,796,337,676
1.1	Kinh phí thường xuyên	8,943,945,142	9,370,922,411	9,952,230,833
1.2	Kinh phí không thường xuyên	1,713,094,560	6,757,355,859	7,844,106,843
	- Kinh phí đào tạo học sinh Lào	1,250,825,609	1,463,218,915	1,260,108,596

	- Kinh phí đào tạo tài năng	313,828,951	1,107,052,944	1,151,918,134
	- Kinh phí cấp bù học phí	148,440,000	250,450,000	341,250,000
	- Kinh phí mua máy photocopy	-	-	90,830,113
	- Kinh phí "Sửa chữa khu nuôi thú"	-	3,936,634,000	-
	- Kinh phí "Sửa chữa nhà 4 tầng"	-	-	5,000,000,000
2	Các nguồn thu khác	784,500,000	3,453,881,211	3,044,008,985

Ngoài nguồn NSNN nước cấp, các khoản thu sự nghiệp, dịch vụ của Trường gồm: thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo trong nước, cho nước ngoài, đào tạo hệ vừa học vừa làm; thu từ hoạt động dịch vụ thực tập biểu diễn trong nước, ở nước ngoài; thu từ hoạt động dịch vụ thực tập biểu diễn trong nước và nước ngoài; thu từ bán thanh lý tài sản; hoạt động kinh doanh cho thuê tài sản công; các nguồn thu khác.

Trong thời kỳ thanh tra, nguồn thu dịch vụ của Trường cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2021: 784.500.000 đồng (trong đó thu biểu diễn: 158.000.000 đồng; thuê phòng: 544.000.000 đồng; học phí học sinh: 82.500.000 đồng);

- Doanh thu năm 2022: 3.453.881.211 đồng (trong đó thu biểu diễn: 2.381.587.820 đồng; thuê phòng: 763.020.000 đồng; đào tạo: 202.100.000 đồng; thu khác: 1.173.391 đồng; học phí học sinh: 106.000.000 đồng);

- Doanh thu năm 2023: 3.044.008.985 đồng (trong đó thu biểu diễn: 1.701.527.560 đồng; thuê phòng: 858.500.000 đồng; đào tạo: 202.100.000 đồng; thanh lý tài sản: 92.765.000 đồng; thu khác: 9.931.425 đồng; học phí học sinh: 179.185.000 đồng).

Việc thu các khoản này có hợp đồng, thanh lý hợp đồng, phiếu thu, hoá đơn. Về cơ bản, Trường thu và quản lý nguồn thu học phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Tuy nhiên, các hợp đồng cho thuê mặt bằng chưa quy định cụ thể về việc thu tiền điện, nước hàng tháng của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng của Trường.

4. Hoạt động chi

Các khoản chi bao gồm: tiền lương; tiền công; các khoản phụ cấp; học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, cán bộ đi học; tiền thưởng; phúc lợi tập thể; các khoản đóng góp; các khoản thanh toán khác cho cá nhân; thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi phí hội nghị, hội thảo, công tác phí; chi phí thuê mướn; chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công

tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng; mua sắm tài sản công; nghiệp vụ chuyên môn; chi phí khác; trích lập các quỹ theo quy định,...

Đơn vị: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	Tổng chi	11,441,539,702	19,582,159,481	20,840,346,661
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ:	8,943,945,142	9,370,922,411	9,952,230,833
1	Tiền lương	3,548,124,636	3,706,697,258	4,351,251,678
2	Phụ cấp lương	1,894,888,649	2,004,512,395	2,106,856,878
3	Các khoản đóng góp	861,197,185	857,589,089	952,801,440
4	Thanh toán cho cá nhân	179,774,000	112,736,000	138,020,000
5	Vật tư văn phòng	150,036,000	227,501,660	132,469,460
6	Công tác phí	48,821,200	115,048,000	182,063,600
7	Chi phí thuê mướn	392,174,910	271,156,030	206,587,937
8	Dịch vụ công cộng	312,995,212	388,621,278	402,383,656
9	Thông tin tuyên truyền	78,364,090	58,115,270	59,435,260
10	Chi phí sửa chữa, mua sắm	326,871,000	327,093,345	104,491,914
11	Chi phí chuyên môn nghiệp vụ	959,111,060	1,030,755,600	979,493,500
12	Chi khác	191,587,200	271,096,486	336,375,510
2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1,713,094,560	6,757,355,859	7,844,106,843
2.1	Kinh phí đào tạo học sinh Lào	1,250,825,609	1,463,218,915	1,260,108,596
2.2	Kinh phí đào tạo tài năng	313,828,951	1,107,052,944	1,151,918,134
2.3	Kinh phí cấp bù học phí	148,440,000	250,450,000	341,250,000
2.4	Kinh phí mua máy photocopy	-	-	90,830,113
2.5	Kinh phí "Sửa chữa khu nuôi thú"	-	3,936,634,000	-

2.6	Kinh phí "Sửa chữa nhà 4 tầng"	-	-	5,000,000,000
3	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	784,500,000	3,453,881,211	3,044,008,985
-	Chi trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, chi khác	188,175,748	1,235,843,178	1,449,387,266
-	Nộp thuế TNDN, GTGT, thuế TNCN	51,612,000	173,955,144	160,238,402
-	Trích lập các quỹ và kinh phí cải cách tiền lương	544,712,252	2,044,082,889	1,434,383,317
II	Số dư kinh phí chuyển năm sau	444,054,858	435,132,447	227,901,614
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ:	444,054,858	435,132,447	227,901,614
2	Chi từ nguồn thu dịch vụ	-	-	-
III	Số dư kinh phí bị hủy	1,158,905,440	404,278,141	329,893,157
1	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1,158,905,440	404,278,141	329,893,157
-	Kinh phí đào tạo học sinh Lào	121,174,391	6,781,085	121,891,404
-	Kinh phí đào tạo tài năng	936,171,049	347,947,056	48,081,866
-	Kinh phí cấp bù học phí	1,560,000	49,550,000	150,750,000
-	Kinh phí mua máy photocopy	100,000,000	-	9,169,887
-	Kinh phí "Sửa chữa khu nuôi thú"	-	13,366,000	-
-	Kinh phí "Sửa chữa nhà 4 tầng"	-	-	-

4.1. Đối với các khoản chi từ nguồn kinh phí NSNN

4.1.1. Nguồn kinh phí thường xuyên

Các khoản chi chủ yếu là lương, phụ cấp theo lương của công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68, tiền lương tăng thêm, tiền công, học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, cán bộ đi học, tiền thưởng, các khoản đóng góp,

dịch vụ công cộng, làm thêm giờ, chi thuê mướn, công tác phí, chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi mua vật tư, văn phòng phẩm, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi mua sắm, điện, nước, sửa chữa, thuê mướn, phúc lợi tập thể, chi nghiệp vụ chuyên môn từng ngành... Về cơ bản, các nội dung chi của đơn vị đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ, định mức của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Một số tồn tại:

- Ký Hợp đồng khoán công việc chưa đúng quy định. Hợp đồng ghi khoán công việc nhưng lại phân công công việc theo thời gian, không theo vụ việc cụ thể, có những hợp đồng khoán chuyên môn: diễn viên xiếc, giáo viên, bảo vệ, nhân viên âm thanh ánh sáng, công nhân nuôi thú, tư vấn giúp việc cho Ban giám đốc.... và không khấu trừ Thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

- Chi học bổng cho Học sinh, sinh viên thiếu Quyết định của Hiệu trưởng công nhận danh sách học sinh, sinh viên đủ tiêu chuẩn nhận học bổng.

- Chi hợp cho các thành viên tham gia dự hợp trong giờ hành chính: Hợp Hội đồng nâng lương (PC302, năm 2022, giá trị: 1.200.000 đồng), Hợp hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp (PC323, năm 2022, giá trị 4.000.000 đồng; PC324, năm 2023, giá trị: 5.600.000 đồng).

- Đối với việc chi mua thức ăn nuôi thú, Trường đang thực hiện chi trả theo hình thức khoán định mức được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ nên không có hợp đồng, hóa đơn, chứng từ kèm theo.

4.1.2. Nguồn kinh phí không thường xuyên, kinh phí thường xuyên không giao tự chủ

Theo báo cáo của Trường, kinh phí quyết toán từ nguồn chi không thường xuyên/chi thường xuyên không giao tự chủ của đơn vị các năm 2021 đến 2023 là 16.314.557.262 đồng (năm 2021: 1.713.094.560 đồng; năm 2022: 6.757.355.859 đồng; năm 2023: 7.844.106.843 đồng). Trường thực hiện các nhiệm vụ: đào tạo lưu học sinh Lào, đào tạo tài năng, cấp bù học phí, mua sắm thiết bị máy photocopy, cải tạo sửa chữa khu nuôi thú và cải tạo sửa chữa nhà 4 tầng.

4.1.2.1. Cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị

a) Dự án sửa chữa khu nuôi và huấn luyện thú

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt chủ trương “Sửa chữa khu nuôi và huấn luyện thú” của Trường¹ vào tháng 3/2022, làm cơ sở để Trường triển khai thực hiện các hồ sơ liên quan.

Đối với các gói thầu tư vấn, Trường chỉ định thầu, ký hợp đồng với các nhà thầu: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Sông Đà thực hiện tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Hợp Thành thực hiện tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ND thực hiện tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu;

¹ Quyết định số 557/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2022.

Công ty TNHH IPC Việt thực hiện tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vạn Hoa thực hiện tư vấn giám sát công trình; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng công trình Long Thành thực hiện tư vấn quản lý dự án; Công ty TNHH Hãng Kiểm toán RUBIK thực hiện tư vấn kiểm toán dự án.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình², phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu³ vào tháng 6/2022. Nội dung đầu tư chủ yếu: sửa chữa khu nuôi và huấn luyện thú bằng kết cấu thép tiền chế có diện tích 475m², lợp mái tôn kết hợp mái nhựa polycarbonnat lấy sáng, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước đồng bộ.

Công trình cấp III; nguồn vốn Ngân sách sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; hình thức quản lý dự án: thuê tư vấn; thời gian thực hiện 2022-2023.

Tổng mức đầu tư (làm tròn) 3.980.000.000 đồng.

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	3.495.566.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	120.457.000 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư:	314.426.163 đồng
Chi phí khác:	49.551.000 đồng

Theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, giá gói thầu "Sửa chữa khu nuôi và huấn luyện thú" là 3.495.566.000 đồng. Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngày 08/7/2022, số thông báo 20220724612-00. Căn cứ kết quả đánh giá của tư vấn và kết quả thương thảo hợp đồng ngày 28/7/2022, Chủ đầu tư ban hành Quyết định 129/QĐ-TCXTKVN ngày 01/8/2022 phê duyệt nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Cường Thịnh, mã chứng chỉ hoạt động xây dựng HAN-00012074, địa chỉ: 2B Lê Đức Thọ, Tổ 44, Mai Dịch, Thành phố Hà Nội, giá trúng thầu: 3.463.546.000 đồng (giảm giá 32.020.000 đồng, tương ứng 0,92% giá gói thầu), Nhà thầu không đề xuất khối lượng ngoài phạm vi yêu cầu. Chủ đầu tư và Nhà thầu ký hợp đồng số 208/2022/HĐTCXD ngày 03/8/2022, giá hợp đồng 3.463.546.000 đồng (thuế VAT 8%); hình thức hợp đồng: trọn gói; thời gian thực hiện: 110 ngày, kể từ ngày 05/8/2022. Các bên liên quan thực hiện bàn giao mặt bằng ngày 05/8/2022.

Gói thầu đã hoàn thành, hồ sơ quyết toán cơ bản đầy đủ theo quy định, giá trị quyết toán A-B là 3.463.546.000 đồng. Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 18/11/2022, ký Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 05/12/2022. Trong thời gian bảo hành công trình, Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên tham gia thống nhất thay thế phần mái nhựa

² Quyết định số 1303/QĐ-BVHTTDL ngày 06/6/2022.

³ Quyết định số 1464/QĐ-BVHTTDL ngày 28/6/2022.

polycarbonat lấy sáng đã thi công thành lợp tôn chống nóng (Biên bản làm việc ngày 17/8/2023), Nhà thầu đã thực hiện việc thay thế này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán RUBIK thực hiện kiểm toán dự án, lập Báo cáo kiểm toán số 131/2022/BCKT-RUBICK ngày 10/01/2023. Dự án được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 3509/QĐ-BVHTTDL ngày 16/11/2023, giá trị quyết toán được phê duyệt 3.919.350.044 đồng, trong đó tổng nợ phải thu: 28.626.956 đồng, tổng nợ phải trả: 11.343.000 đồng.

* Một số tồn tại trong quá trình thực hiện dự án:

- Thiết kế hệ thống thông gió bằng quạt hút, thổi ngang, ít được sử dụng do ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh.

- Năng lực tổ chức tư vấn, chứng chỉ hành nghề cá nhân thực hiện: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vạn Hoa chưa đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Luật Đấu thầu năm 2013; Chủ đầu tư chỉ định thầu cho nhà thầu thực hiện công tác tư vấn giám sát là chưa đảm bảo quy định.

- Nhà thầu xuất hóa đơn cho Chủ đầu tư bị chậm so với quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, gồm:

+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Sông Đà thực hiện lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, ký thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư ngày 01/7/2022, Nhà thầu xuất hóa đơn cho Chủ đầu tư ngày 27/12/2022;

+ Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Hợp Thành thực hiện thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật, ký thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư ngày 04/7/2022, Nhà thầu xuất hóa đơn cho Chủ đầu tư ngày 28/12/2022.

- Theo quy định, Nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình, Chủ đầu tư ký thanh lý hợp đồng xây lắp với nhà thầu khi nhà thầu chưa hết thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình là chưa đúng với quy định tại Điều 113 và Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014, điểm a khoản 1 Điều 99 Nghị định 63/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu báo cáo kiểm toán ngày 08/12/2022, trước thời điểm nhà thầu phát hành báo cáo kiểm toán.

- Nhà thầu kiểm toán độc lập căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 về quyết toán dự án hoàn thành trong Báo cáo kiểm toán là không đúng, Thông tư 10/2020/TT-BTC đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

b) Dự án sửa chữa công trình nhà làm việc 4 tầng

Dự án được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt chủ trương tháng 12/2022⁴, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật⁵ và phê duyệt kế hoạch đấu thầu vào tháng 8/2023⁶.

⁴ Quyết định số 3769/QĐ-BVHTTDL ngày 29/12/2022.

⁵ Quyết định số 2081/QĐ-BVHTTDL ngày 04/8/2023.

⁶ Quyết định số 2420/QĐ-BVHTTDL ngày 18/8/2023.



Trường chỉ định thầu, ký hợp đồng với các nhà thầu: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Sông Đà thực hiện tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Hợp Thành thực hiện tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ND thực hiện tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Công ty TNHH IPC Việt thực hiện tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng công trình Long Thành thực hiện tư vấn giám sát công trình; Viện Khoa học công nghệ và Kinh tế xây dựng Hà Nội thực hiện tư vấn quản lý dự án; Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt- Chi nhánh Thành Nam thực hiện tư vấn kiểm toán dự án.

Chủ đầu tư đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số PL2300152959 ngày 18/8/2023, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, đăng tải thông báo mời thầu gói thầu “Sửa chữa nhà làm việc 4 tầng” trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, số thông báo mời thầu IB2300214858 ngày 05/9/2023, giá gói thầu: 9.594.659.582 đồng. Tại thời điểm mở thầu, có 01 nhà thầu tham gia dự thầu. Nhà thầu tư vấn Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ND lập Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu số 55-2023/ND-BCĐG, Nhà thầu tư vấn Công ty TNHH IPC Việt lập Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-KQ(TCXTKVN). Chủ đầu tư căn cứ báo cáo của các nhà thầu tư vấn, ban hành Quyết định số 192/QĐ-TCXTKVN ngày 22/9/2023 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thương mại Cường Thịnh là nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu: 9.550.631.000 (giảm 44.028.582 đồng, tương ứng 0.46% giá gói thầu), Nhà thầu không đề xuất khối lượng ngoài phạm vi yêu cầu.

Hai bên ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 259/2023/HĐTCXD ngày 25/9/2023, giá trị 9.550.631.000 đồng; hình thức hợp đồng: trọn gói; thời gian thực hiện: 130 ngày. Các bên liên quan tổ chức bàn giao mặt bằng ngày 26/9/2023.

Công trình đã hoàn thành, hồ sơ quyết toán cơ bản đầy đủ theo quy định, giá trị quyết toán A-B là: 9.550.631.655 đồng. Các bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình bàn giao để đưa vào sử dụng ngày 01/02/2024; ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/02/2024. Kiểm toán độc lập giảm trừ - 17.046.000 đồng tại Báo cáo kiểm toán số 2024.01/BCKT-VIETLANDTN ngày 16/4/2024. Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu 05 tỷ đồng.

* Một số tồn tại trong quá trình thực hiện dự án:

- Đối với Hồ sơ thiết kế:

+ Phần nội thất bàn, ghế phòng hội đồng là chi phí thiết bị, tuy nhiên dự toán đưa thành chi phí xây dựng:

+ Không có bản vẽ chi tiết cột, vì kèo, xà gồ của phần mái tôn cũ để tính khối lượng phá dỡ trong dự toán.

+ Một số mã đơn giá dự toán chưa đúng với nội dung công việc: mục 40 áp mã AK.51270 (Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,27m^2$, vữa XM M75, PCB30), không đúng với tiết diện gạch lát theo thiết kế gạch 600x600 có diện tích là $0,36m^2$; mục 76 áp mã AK.74110 (thi công mặt sàn gỗ ván dày 2cm) không đúng với loại sàn gỗ công nghiệp theo thiết kế v.vv.

- Chủ đầu tư ký thanh lý hợp đồng xây lắp với nhà thầu khi nhà thầu khi nhà thầu chưa hết thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình.

- Công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng, tuy nhiên đến thời điểm thanh tra, Chủ đầu tư chưa thực hiện xong việc thanh lý vật liệu thu hồi.

* Phần khối lượng nhà thầu chưa hoàn thành đối với hợp đồng, giá trị - 18.005.587 đồng (chi tiết tại Phụ lục 1).

c) Mua sắm máy photocopy

Năm 2021, Trường được giao 100 triệu đồng mua sắm máy Photocopy, sau đó đã hủy dự toán, không thực hiện. Năm 2023, Trường được giao 100 triệu đồng để mua máy Photocopy, đã thực hiện mua sắm (hình thức mua sắm tập trung), giá trị: 90.830.113 đồng, hủy dự toán: 9.169.887 đồng.

4.1.2.2. Đào tạo lưu học sinh

Trong thời kỳ thanh tra, Trường được giao 4.224.000.000 đồng (trong đó: năm 2021 là 1.372.000.000 đồng; năm 2022 là 1.470.000.000 đồng; năm 2023 là 1.382.000.000 đồng) để thực hiện đào tạo lưu học sinh Lào. Các mục chi Trường thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTC ngày 12/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào và Campuchia (diện Hiệp định) học tập tại Việt Nam.

- Năm 2021, Trường thực hiện đào tạo 15 sinh viên diện lưu học sinh Lào. Kinh phí đã sử dụng trong năm là 1.250.825.609 đồng, còn dư 121.174.391 đồng tại Kho bạc nhà nước (hủy dự toán do mua sắm đạo cụ tập luyện giảm).

- Năm 2022, Trường thực hiện đào tạo 14 sinh viên diện lưu học sinh Lào. Kinh phí đã sử dụng trong năm là 1.463.218.915 đồng, còn dư 6.781.085 đồng tại Kho bạc nhà nước (hủy dự toán do giảm mua sắm đạo cụ tập luyện và số học sinh giảm 01 em).

- Năm 2023: Trường thực hiện đào tạo 14 sinh viên diện lưu học sinh Lào, kinh phí đã sử dụng trong năm là 1.260.108.596 đồng, còn dư 121.891.404 đồng tại Kho bạc nhà nước (hủy dự toán do giảm mua sắm đạo cụ tập luyện)

Các chi phí bao gồm sinh hoạt phí cho sinh viên: 1.607.760.000 đồng; chi phí giảng dạy và các khoản chi được thực hiện theo quy định: 2.366.393.120 đồng

+ Tổng kinh phí cấp 2021-2022-2023: 4.224.000.000 đồng

+ Tổng chi 2021-2022-2023: 3.974.153.120 đồng

+ Dự toán hủy: 249.846.880 đồng

4.1.2.3. Kinh phí cấp đào tạo tài năng

Trong thời kỳ thanh tra, Trường được giao 3.905.000.000 đồng (trong đó: Năm 2021 là 1.250.000.000 đồng; năm 2022 là 1.455.000.000 đồng; năm 2023 là 1.200.000.000 đồng) để thực hiện đào tạo tài năng. Các nội dung chi thực hiện theo Thông tư số 54/TT-BTC ngày 17/8/2023 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Đề án đào tạo, bồi dưỡng tài năng trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Năm 2021, Trường thực hiện đào tạo 12 học sinh tài năng. Kinh phí đã sử dụng trong năm là: 313.829.000 đồng, còn dư 936.171.000 đồng tại Kho bạc nhà nước (hủy - do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên nhiều nội dung nhiệm vụ không thực hiện được triển khai)

- Năm 2022, Trường thực hiện đào tạo 20 học sinh tài năng. Kinh phí đã sử dụng trong năm là 1.107.053.000 đồng, còn dư 347.947.000 đồng tại Kho bạc nhà nước (hủy dự toán do giảm mua sắm đạo cụ tập luyện) .

- Năm 2023: Trường thực hiện đào tạo 23 học sinh tài năng. Kinh phí đã sử dụng trong năm là 1.151.918.000 đồng, còn dư 48.082.000 đồng tại Kho bạc nhà nước (hủy dự toán do giảm mua sắm đạo cụ tập luyện)

- Tổng chi 2021-2022-2023: 2.572.800.000 đồng. Trong đó chi chế độ học bổng cho học sinh: 315.000.000 đồng; chi phí giảng dạy và các khoản chi được thực hiện theo quy định: 2.257.800.000 đồng.

- Dự toán hủy: 1.332.200.000 đồng (Do tình hình dịch bệnh Covid-19 Trường không thể tổ chức cho học sinh thi hết Học kỳ II, năm học 2020-2021. Khi chưa có kết quả học tập của học sinh năm học 2020-2021 thì Hội đồng không có căn cứ để xét tuyển chọn học sinh khóa mới; do dịch bệnh Covid-19 nên Trường không mời được chuyên gia trong năm 2021; giảm mua sắm đạo cụ tập luyện và chế độ học bổng cho học sinh).

4.1.2.4. Kinh phí cấp bù học phí

Trong thời kỳ thanh tra, Trường được giao 942.000.000 đồng (trong đó: Năm 2021 là 150.000.000 đồng; năm 2022 là 300.000.000 đồng; năm 2023 là 492.000.000 đồng) để thực hiện cấp bù học phí.

- Năm 2021: cấp bù cho học sinh 148.440.000 đồng; hủy dự toán: 1.560.000 đồng.

- Năm 2022: cấp bù cho học sinh 250.450.000 đồng; hủy dự toán: 49.550.000 đồng.

- Năm 2023: cấp bù cho học sinh 341.250.000 đồng; hủy dự toán: 150.750.000 đồng.

- Tổng chi cấp bù cho học sinh: 2021-2022-2023: 740.140.000 đồng.

- Dự toán hủy: 201.860.000 đồng.

Về cơ bản, các nội dung chi theo quy định. Tuy nhiên còn khoản chi chưa đúng nguồn: Trường chi hỗ trợ tiền may quần áo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên HĐLĐ năm 2021 từ nguồn cấp bù học phí, PC 229 số tiền 88.500.000 đồng, trong đó 59.000.000 đồng từ nguồn cấp bù học phí (định mức chi 1.500.000 đồng/người x 59 người).

4.2. Nguồn kinh phí từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ

Các khoản chi chủ yếu là chi phí trực tiếp cho hoạt động dịch vụ (tiền công lao động hợp đồng khoán việc, tiền thông tin liên lạc, chi vật tư văn phòng phẩm, chi hoạt động đào tạo ngắn hạn, liên kết và một số khoản chi nhỏ lẻ khác). Các khoản chi từ nguồn kinh phí này được chi theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

5. Việc trích lập, sử dụng các Quỹ và kinh phí cải cách tiền lương

Trường có 03 Quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi. Trong 03 năm 2021-2023, Trường không trích lập bổ sung tiền vào các Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và Quỹ khen thưởng, số tiền dư trong 02 Quỹ này từ các năm trước chuyển sang. Trường chỉ bổ sung thêm tiền vào Quỹ phúc lợi. Cụ thể:

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	Số dư năm trước chuyển sang	162,844,758	237,942,010	1,658,532,249
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	63,525,000	63,525,000	63,525,000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng	28,250,000	28,250,000	28,250,000
4	Quỹ phúc lợi	71,069,758	146,167,010	1,566,757,249
5	Nguồn cải cách tiền lương	-	-	-
II	Số trích lập trong năm	544,712,252	2,044,082,889	1,434,383,317
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	-	-	-
2	Quỹ bổ sung thu nhập	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng	-	-	-
4	Quỹ phúc lợi	544,712,252	2,044,082,889	1,434,383,317

5	Nguồn cải cách tiền lương	-	-	-
III	Số sử dụng trong năm	469,615,000	623,492,650	719,742,000
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	-	-	-
2	Quỹ bổ sung thu nhập	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng	-	-	-
4	Quỹ phúc lợi	469,615,000	623,492,650	719,742,000
5	Nguồn cải cách tiền lương	-	-	-
IV	Số dư chuyển năm sau sử dụng	237,942,010	1,658,532,249	2,373,173,566
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	63,525,000	63,525,000	63,525,000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng	28,250,000	28,250,000	28,250,000
4	Quỹ phúc lợi	146,167,010	1,566,757,249	2,281,398,566
5	Nguồn cải cách tiền lương	-	-	-

Trường thực hiện trích lập các Quỹ từ chênh lệch thu chi dịch vụ, thu khác sau khi nộp thuế và tiền khen thưởng. Việc trích lập và sử dụng các Quỹ của Trường về cơ bản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

- Trường chưa trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 20 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 (tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương).

- Trường chưa trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo Khoản 2, Điều 8 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Điểm b, khoản 3, Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 quy định: “Đơn vị nhóm 4 có hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước thì phải trích khấu hao tài sản cố định đối với các tài sản tham gia hoạt động dịch vụ và bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị”.

- Một số khoản chi chưa đúng tính chất chi của Quỹ phúc lợi:

+ Năm 2023: chi hỗ trợ học phí thạc sỹ - Đại học Sân khấu Hà Nội (PC078 giá trị: 4.300.000 đồng, PC090 giá trị: 4.300.000 đồng; PC 099 giá trị 4.300.000 đồng; PC 163 giá trị: 3.675.000 đồng; PC 259: 4.388.000 đồng; PC 260: 4.388.000 đồng; PC 262: 4.388.000 đồng); chi khen thưởng cho tập thể đạt thành tích cao trong học tập năm học 2022-2023: 500.000 đồng; chi thưởng cho các học sinh đạt thành tích cao trong học tập năm học 2022-2023: 5.200.000 đồng.

+ Chi thưởng tết âm lịch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Hợp đồng lao động nhưng cách chi giống chi thu nhập tăng thêm. Trường chi thưởng tết âm lịch căn cứ vào kết quả bình xét thi đua cuối năm là chưa đúng tính chất tại Điều 22 Nghị định 60 và Điểm a, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022. Chi thu nhập tăng thêm mới căn cứ vào kết quả bình xét thi đua, theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người và chi thu nhập tăng thêm từ nguồn kinh phí thường xuyên tiết kiệm được, không phải nhập Quỹ phúc lợi rồi mới trích ra chi (Năm 2021: số tiền 258.500.000 đồng; năm 2022: 254.500.000 đồng; Năm 2023: PC 021 số tiền 491.500.000 đồng).

6. Nộp thuế và các khoản phải nộp khác

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	Số phải nộp năm trước chuyển sang	62,020,973	54,612,973	95,437,957
1	Phí phải nộp (nếu có)	-	-	-
2	Thuế môn bài	-	-	-
3	Thuế giá trị gia tăng	7,420,000	8,270,000	26,661,492
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,290,000	(6,968,000)	15,465,492
5	Thuế thu nhập cá nhân	18,080,000	18,080,000	18,080,000
6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)	35,230,973	35,230,973	35,230,973
II	Số phải nộp trong năm	86,246,847	260,909,237	269,255,051
1	Phí phải nộp (nếu có)	-	-	-
2	Thuế môn bài	1,000,000	1,000,000	1,000,000
3	Thuế giá trị gia tăng	30,360,000	82,666,388	77,385,551
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	30,360,000	89,824,756	82,852,851

5	Thuế thu nhập cá nhân	24,526,847	87,418,093	108,016,649
6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)	-	-	-
III	Số đã nộp trong năm	69,128,000	220,084,253	296,229,587
1	Phí phải nộp (nếu có)	-	-	-
2	Thuế môn bài	1,000,000	1,000,000	1,000,000
3	Thuế giá trị gia tăng	29,510,000	64,274,896	90,034,469
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	38,618,000	67,391,264	97,178,469
5	Thuế thu nhập cá nhân	24,526,847	87,418,093	108,016,649
6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)	-	-	-
IV	Số phải nộp chuyển năm sau	54,612,973	95,437,957	68,463,421
1	Phí phải nộp (nếu có)	-	-	-
2	Thuế môn bài	-	-	-
3	Thuế giá trị gia tăng	8,270,000	26,661,492	14,012,574
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6,968,000)	15,465,492	1,139,874
5	Thuế thu nhập cá nhân	18,080,000	18,080,000	18,080,000
6	Các khoản phải nộp khác (nếu có)	35,230,973	35,230,973	35,230,973

Về cơ bản, Trường đã thực hiện hạch toán các loại thuế: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân trên hệ thống sổ sách kế toán và thực hiện nộp thuế.

7. Việc chấp hành pháp luật về sổ sách, biểu mẫu, chứng từ kế toán

Công tác kế toán của Trường đã được tin học hóa; hệ thống sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ; chứng từ kế toán được lưu trữ gọn gàng, ngăn nắp. Các báo cáo, biểu mẫu quyết toán năm chi tiết từng nguồn kinh phí theo biểu mẫu và thực hiện công tác khóa sổ cuối năm theo đúng quy định.

Trường đã thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt và đối chiếu số dư tiền gửi với Kho bạc Nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại về chứng từ kế toán:

- Hợp đồng thuê mướn dọn dẹp vệ sinh chưa đúng quy định: Trường còn ký hợp đồng từng tháng với 01 cá nhân (năm 2021, 2022: 01 cá nhân đại diện cho

4 người, giá trị hợp đồng 20.000.000 đồng/tháng; năm 2023: 01 cá nhân đại diện cho 3 người, giá trị hợp đồng 12.000.000 đồng/tháng), chưa xây dựng Kế hoạch lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tập trung theo năm.

- Chi hỗ trợ may quần áo cho cán bộ nhân viên, người lao động năm 2021 PC229 số tiền 88.500.000 đồng không có hợp đồng, hóa đơn chứng từ kèm theo. Thực tế, Trường đã chi hỗ trợ may quần áo bằng tiền cho từng cá nhân theo định mức quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Một số chứng từ chi làm thêm giờ còn thiếu đề xuất làm thêm giờ được lãnh đạo duyệt.

8. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công, công nợ

8.1. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công

8.1.1. Việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công:

Đền thời điểm thanh tra, Trường đã xây dựng Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 106/QĐ- TCXTVN ngày 26/7/2023 theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công). Khi xây dựng quy chế đã xin ý kiến các phòng, khoa, đơn vị thuộc Trường. Sau khi ban hành đã gửi đến các đơn vị thuộc Trường để công khai và thực hiện.

8.1.2. Việc mua sắm, sửa chữa tài sản công:

Trường thực hiện theo quy trình: hằng năm, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công đề xuất nhu cầu sửa chữa, bảo trì, thay thế và nâng cấp tài sản công với phòng Hành chính tổng hợp. Căn cứ vào nhu cầu, đề xuất của các phòng, Phòng Hành chính-Tổng hợp lập Kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản trình Hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ dự toán đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Hành chính-Tổng hợp tiến hành các thủ tục mua sắm, sửa chữa tài sản. Việc mua sắm, sửa chữa tài sản được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và đã được Trường cụ thể hóa trong Quy chế Quản lý sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, Trường chưa có Kế hoạch lựa chọn nhà thầu là chưa đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 và điểm a khoản 3 Điều 15 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

8.1.3. Việc lập, quản lý hồ sơ tài sản, kiểm kê, đánh giá tài sản hàng năm, thanh lý tài sản công:

Trường đã mở sổ theo dõi chi tiết tài sản cố định, lập báo cáo theo biểu mẫu, phản ánh theo dõi ghi tăng các loại tài sản cố định, cuối năm đã lập bảng tính hao mòn tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

Đơn vị tính: VN đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Nguyên giá	114,770,397,541	114,770,397,541	117,216,819,338

	- TSCĐ hữu hình	114,758,397,541	114,758,397,541	117,204,819,338
	- TSCĐ vô hình	12,000,000	12,000,000	12,000,000
2	Khấu hao và hao mòn lũy kế phát sinh trong năm	24,191,148,466	6,148,848,779	3,238,808,526
3	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ hiện có	48,385,832,556	54,534,681,335	57,773,489,861
4	Giá trị còn lại	66,384,564,985	60,235,716,206	59,443,329,477

Trường đã tiến hành kiểm kê tài sản công theo điều 40, Luật Kế toán để đánh giá chất lượng, xác nhận giá trị còn lại của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán.

Ngoài ra, Trường ban hành Quy chế thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Quyết định số 76/QĐ-TCXTKVN ngày 15/5/2024) nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, viên chức, người lao động về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong lĩnh vực công tác, sử dụng kinh phí NSNN và các nguồn thu khác tài chính hợp pháp của Trường, đặc biệt là tiết kiệm chống lãng phí trong việc quản lý sử dụng tài sản công và phương tiện làm việc.

8.1.4. Quản lý sử dụng nhà, đất:

- Diện tích đất được giao: 5.670m² tại Khu Văn hóa Nghệ thuật Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

- Địa chỉ cơ sở nhà, đất: Khu Văn hóa Nghệ thuật, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất: Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Các văn bản pháp lý hiện có tại đơn vị như sau:

+ Quyết định số 64 VH TT/VP ngày 12/5/1980 của Bộ Văn hoá và Thông tin chia khu vực văn công Mai Dịch cho các đơn vị trong đó có Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam (trước đây là Trường Trung học Xiếc Việt Nam).

+ Quyết định số 1466 QĐ/XD ngày 28/6/1996 của Bộ Văn hoá - Thông tin phê duyệt quy hoạch tổng thể Khu Văn công Mai Dịch;

+ Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1:500 do Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khảo sát và đo đạc Hà Nội lập tháng 9/2008; UBND phường Mai Dịch xác nhận ngày 20/7/2009 với diện tích 5.670 m².

- Đến thời điểm hiện tại Trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Về nhà ở và các vật kiến trúc: Trường hiện có 05 khu nhà

+ Nhà 4 tầng: Đưa vào sử dụng từ năm 1960, diện tích sàn xây dựng là 2.624m², được sửa chữa năm 2023-2024, bố trí phòng làm việc của Phó hiệu trưởng và 1 số phòng chuyên môn, phòng máy tính và các lớp học văn hóa phổ thông, văn hóa cơ sở. Hồ sơ thiết kế sửa chữa nhà 4 tầng không thiết kế cải tạo 04 phòng tầng 1 của tòa nhà, các hồ sơ quản lý khác thể hiện 04 phòng này hiện không phải do Trường quản lý.

+ Nhà tập chính (còn gọi là Nhà hát thể nghiệm): Khởi công xây dựng năm 2001, đưa vào sử dụng năm 2003. Tổng diện tích sàn xây dựng là 1.972m², được sử dụng làm địa điểm tập luyện các tiết mục cho học sinh cuối khóa, tổ chức thi Học kỳ, thi Tốt nghiệp; là nơi tổ chức các buổi biểu diễn thực tập của học sinh, biểu diễn doanh thu, đồng thời tổ chức các sự kiện lớn của Trường như Lễ Khai giảng, Lễ Sơ kết, Tổng kết năm học, Kỷ niệm các ngày Lễ lớn,... Hiện nay, Nhà tập chính đang được sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch triển khai Dự án “Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nhà tập chính” do Ban Quản lý Dự án đầu tư Xây dựng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện.

+ Nhà tập khung thép (1 tầng): Khởi công xây dựng năm 2014, đưa vào sử dụng năm 2015. Tổng diện tích sàn xây dựng là 450m², được sử dụng làm khu tập luyện các bộ môn cơ sở chuyên ngành cho học sinh các khóa (học năm thứ nhất và thứ hai).

+ Nhà luyện tập 9 tầng: Khởi công xây dựng năm 2014, hoàn thành xây dựng năm 2016. Tổng diện tích sàn xây dựng là 5.946m², được thiết kế và thi công để sử dụng cho các phòng, khoa chức năng, phòng dàn dựng huấn luyện, phòng âm nhạc kỹ thuật, phòng huấn luyện trình diễn và phòng làm việc khu hành chính. Tại thời điểm bàn giao nhà, đất giữa Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội với Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam còn tồn tại một số hộ cán bộ của Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội đang sinh sống trong khuôn viên nhà, đất được bàn giao cho Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam.

+ Gara ô tô (3 tầng): Khởi công xây dựng năm 2006, đưa vào sử dụng năm 2007. Tổng diện tích sàn xây dựng là 366m²; Được sử dụng như sau: Tầng 1 để xe ô tô cơ quan, tầng 2 và tầng 3 trước đây bố trí là Thư viện Trường; từ cuối năm 2020 Thư viện đã chuyển sang Khu nhà 4 tầng, hiện nay đang sử dụng làm kho đựng trang phục.

- Các khu nhà đều đang sử dụng làm văn phòng làm việc khối hành chính, đào tạo học sinh học văn hóa phổ thông và phục vụ công tác đào tạo chuyên môn Xiếc và Tạp kỹ của Trường.

8.1.5. Quản lý, sử dụng xe ô tô:

Trường hiện đang quản lý 02 xe ô tô (01 xe 05 chỗ phục vụ công tác chung và 01 xe chuyên dùng 34 chỗ). 02 xe được giao khoán định mức xăng dầu (xe 5 chỗ: 09 lít xăng/100km; xe 34 chỗ 27 lít dầu/100km).

8.1.6. Đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

Thực hiện theo quy định trong Đề án sử dụng Tài sản công được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt theo Quyết định số 3271/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Năm 2024, Trường đã tiến hành tổ chức đấu giá thành công 07/09 vị trí đấu giá trong nội dung Đề án được duyệt. Theo thông báo của Công ty Đấu giá Hợp danh Đấu giá Việt Nam về việc thông báo kết quả đấu giá, các tổ chức và cá nhân đã trúng đấu giá quyền thuê cơ sở vật chất cụ thể như sau:

a) Các đơn vị, cá nhân trúng đấu giá

- Công ty Cổ phần Media Tân Thành An
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Tổ chức sự kiện Vĩnh Thành
- Trường Trung cấp Công nghệ và Du lịch Hà Nội
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ASEAN
- Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Việt Nam
- Ông Đàm Quang Hải
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương

b) Tài sản sử dụng cho thuê

- Đối với tài sản cho thuê là Nhà luyện tập 9 tầng: đơn vị cho thuê 04 phòng với diện tích 115m²/phòng.

- Đối với tài sản cho thuê là Nhà 4 tầng : đơn vị cho thuê 21 phòng với diện tích 24m²/phòng.

- Đối với tài sản là Nhà tập khung thép: đơn vị cho thuê Căn tin với diện tích 80m².

Về cơ bản việc quản lý, sử dụng tài sản theo các quy định hiện hành. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

- Đối với công tác quản lý nhà, đất: Hiện nay, Trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn tồn tại một số hộ cán bộ của Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội đang sinh sống trong khuôn viên nhà, đất được bàn giao cho Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam.

- Đối với việc sử dụng cơ sở vật chất để cho thuê, liên kết:

+ Tại thời điểm Đề án sử dụng Tài sản công chưa được phê duyệt, Trường chưa chấm dứt hoàn toàn việc cho thuê tài sản theo nội dung công văn số 1935/CV-KHTC ngày 07/12/2022 của Vụ Kế hoạch, Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu Trường: “Dừng, chấm dứt việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê khi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa phê duyệt Đề án sử dụng tài sản”.

+ Tuy nhiên, trên tinh thần chỉ đạo của văn bản trên, ngày 16/12/2022 Trường đã tổ chức buổi làm việc với các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tại Trường để thông báo đến các tổ chức, cá nhân thuê phòng học về nội dung trong công văn số 1935/CV-KHTC ngày 07/12/2022 của Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đề nghị các tổ chức, cá nhân tìm nơi khác chuyển đi. Đồng thời Trường ban hành Thông báo số 266/TCXTKVN-HCTH ngày 19/12/2022 về việc dừng, chấm dứt cho thuê phòng học, phòng tập; Dừng, không ký mới các Hợp đồng cho thuê phòng học, phòng tập kể từ ngày 31/12/2022; Các đơn vị đang thuê cơ sở vật tại Trường có thời gian 30 ngày làm việc để chuyển phòng học, phòng tập đến nơi khác.

Sau đó, có 7/7 đơn vị hiện đang thuê phòng học, phòng tập của Trường gửi Đơn kiến nghị lên Ban Giám hiệu Nhà trường với nội dung mong Nhà trường tạo điều kiện giúp các đơn vị được tiếp tục thuê cơ sở vật chất tại Trường, hoặc có kế hoạch thay đổi thì hỗ trợ thông báo với các đơn vị trước khoảng thời gian 6 tháng để các đơn vị có phương án, có tính toán, sắp xếp hợp lý, tìm được địa điểm phù hợp để chuyển, nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng đến học sinh, đến người lao động của các đơn vị thuê phòng. Vì vậy, Trường đã tạo điều kiện để các đơn vị thuê phòng có thời gian sắp xếp.

Hiện nay, Đề án sử dụng Tài sản công của Trường đã được Bộ phê duyệt, Trường đã tổ chức đấu giá và cho thuê theo quy định.

8.2. Đối với việc theo dõi quản lý, xử lý các khoản công nợ

Các khoản nợ phải thu, tạm ứng, Trường đã thực hiện theo dõi và quản lý chi tiết theo từng đối tượng cụ thể trên sổ kế toán. Cuối năm Trường đã thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ với từng đối tượng.

III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG TIẾN HÀNH THANH TRA

1. Những mặt đã làm được

- Trường thực hiện lập dự toán đúng thời gian quy định trên cơ sở thuyết minh tình hình thực hiện và ước thực hiện của các năm trước.

- Đã xây dựng được Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thu, chi cho các hoạt động của Trường.

- Đối với nguồn kinh phí do NSNN cấp: Trường đã thực hiện quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước cấp đảm bảo các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên trên cơ sở dự toán đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Về cơ bản, các khoản chi tuân thủ các tiêu chuẩn, định mức, chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

- Các khoản thu dịch vụ và thu khác: Trường đã phản ánh trong hệ thống sổ sách kế toán, tính và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; phần chênh lệch thu lớn hơn chi được trích lập Quỹ phúc lợi để chi cho cán bộ, viên chức và người lao động.

- Trường đã mở sổ theo dõi chi tiết tài sản cố định, lập báo cáo theo biểu mẫu, phản ánh theo dõi ghi tăng các loại tài sản cố định, cuối năm đã lập bảng tính hao mòn tài sản cố định. Thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản hàng năm.

- Về cơ bản, Trường đã chấp hành các quy định của pháp luật về kế toán: Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán và Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo biểu mẫu quy định và thực hiện công tác khóa sổ cuối năm theo quy định tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm. Chứng từ kế toán được tập hợp, phân loại và lưu trữ gọn gàng.

2. Một số tồn tại

2.1. Về Quy chế chi tiêu nội bộ

- Một số nội dung chi chưa đúng quy định: Chi khoán cước phí sử dụng điện thoại cố định và di động; chi công tác phí khoán hàng tháng.

- Một số nội dung quy định chưa rõ ràng về định mức: chi hỗ trợ các tổ chức ngoài đơn vị, chi đào tạo các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ.

- Một số khoản chi Trường quy định trong quy chế nhưng chưa thực hiện được: chi thu nhập tăng thêm, chi tháng lương thứ 13.

2.2. Về các khoản thu

Các hợp đồng cho thuê mặt bằng chưa quy định cụ thể về cách thu tiền điện, tiền nước hàng tháng của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng của Trường.

2.3. Về các khoản chi

- Ký Hợp đồng khoán công việc chưa đúng quy định. Hợp đồng ghi khoán công việc nhưng lại phân công công việc theo thời gian, không theo vụ việc cụ thể và không khấu trừ Thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

- Chi học bổng cho Học sinh, sinh viên thiếu Quyết định của Hiệu trưởng công nhận danh sách học sinh, sinh viên đủ tiêu chuẩn nhận học bổng.

- Chi hỗ trợ các tổ chức ngoài đơn vị; chi cho thành viên dự các cuộc họp trong giờ hành chính.

- Một số khoản chi chưa đúng nguồn: Trường chi hỗ trợ tiền may quần áo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên HĐLĐ năm 2021 từ nguồn cấp bù học phí, số tiền 59.000.000 đồng.

- Một số khoản chi chưa đúng định mức và đối tượng được hưởng: chi khoán cước phí sử dụng điện thoại cố định và di động; chi công tác phí khoán hàng tháng.

2.4. Việc trích lập, sử dụng các Quỹ và kinh phí cải cách tiền lương

- Trường chưa trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 20 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021; chưa trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo Khoản 2, Điều 8 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Điểm b, khoản 3, Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 quy định.

- Một số khoản chi chưa đúng tính chất chi của Quỹ phúc lợi: chi hỗ trợ học phí thạc sỹ; chi khen thưởng cho tập thể đạt thành tích cao trong học tập; chi thưởng cho các học sinh đạt thành tích cao trong học tập năm học 2022-2023; Chi thưởng tết âm lịch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Hợp đồng lao động nhưng thực chất là chi thu nhập tăng thêm.

2.5. Việc cải tạo, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất

- Đối với mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên, Trường chưa có Kế hoạch lựa chọn nhà thầu là chưa đúng quy định.

- Đối với công tác thực hiện 02 dự án (dự án sửa chữa khu nuôi và huấn luyện thú và dự án sửa chữa công trình nhà làm việc 4 tầng):

+ Hồ sơ thiết kế công trình sửa chữa nhà 4 tầng còn một số tồn tại về áp mã dự toán, thiếu bản vẽ hiện trạng phần mái tôn phá dỡ, đưa các chi phí thiết bị vào chi phí xây dựng.

+ Thiết kế mái lấy sáng của công trình khu nuôi và huấn luyện thú chưa phù hợp, phải thực hiện thay thế sau khi nhà thầu đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Thiết kế hệ thống thông gió chưa đảm bảo yêu cầu sử dụng.

+ Chủ đầu tư chỉ định thầu cho nhà thầu chưa đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vạn Hoa) là chưa đúng quy định.

+ Một số nhà thầu xuất hóa đơn cho Chủ đầu tư bị chậm so với quy định.

+ Chủ đầu tư ký thanh lý hợp đồng xây lắp với nhà thầu khi nhà thầu chưa hết thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình là chưa đúng với quy định.

+ Công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng, tuy nhiên đến thời điểm thanh tra, Chủ đầu tư chưa thực hiện xong việc thanh lý vật liệu thu hồi.

+ Một số khối lượng nhà thầu thực hiện giảm so với hợp đồng, giá trị: 18.005.587 đồng.

2.6. Về chứng từ kế toán

- Chi phí thuê đơn vị tạp vụ vệ sinh, chi phí thuê bảo vệ chưa thực hiện mua sắm tập trung theo năm.

- Một số chứng từ chi làm thêm giờ còn thiếu đề xuất làm thêm giờ được lãnh đạo duyệt.

2.7. Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công

- Đối với công tác quản lý nhà, đất: Trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn tồn tại một số hộ cán bộ của Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội đang sinh sống trong khuôn viên nhà, đất được bàn giao cho Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam. 04 Phòng đầu hồi tại tầng 1 nhà làm việc 4 tầng hiện Trường không quản lý.

- Đối với việc sử dụng cơ sở vật chất để cho thuê, liên kết: Tại thời điểm Đề án sử dụng Tài sản công của Trường chưa được phê duyệt, Trường chưa chấm dứt hoàn toàn việc cho thuê tài sản theo nội dung công văn số 1935/CV-KHTC ngày 07/12/2022 của Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Trường Trung cấp Nghệ thuật xiếc và tạp kỹ Việt Nam

1.1. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công

a) Công tác quản lý tài chính

- Rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định của Nhà nước và Quyết định số 3318/QĐ-BVHTTDL ngày 03/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường, phù hợp với đặc điểm của Trường, đảm bảo thuận lợi cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, đúng nội dung chi, đối tượng chi, nguồn chi theo quy định của pháp luật; sửa đổi quy định chưa đúng như đã nêu tại mục 2.1/2 Phần III.

- Quy định cụ thể về các nguồn thu dịch vụ và hạch toán đầy đủ vào hệ thống sổ sách của Trường.

- Chấm dứt các khoản chi không đúng tính chất nguồn kinh phí, các khoản chi không quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, không có căn cứ pháp lý như đã nêu tại Mục 2, Phần III. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng tính chất của từng nguồn kinh phí hiện có.

- Thực hiện mua sắm tập trung theo năm đối với chi phí thuê đơn vị tạp vụ vệ sinh, chi phí thuê bảo vệ.

- Kiểm soát chứng từ thanh toán, đảm bảo đúng, đầy đủ chứng từ theo quy định.

- Thực hiện trích lập các Quỹ theo trình tự và tỷ lệ quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

- Chấp hành đầy đủ các quy định việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

b) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công

- Chấp hành nghiêm Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết Luật và Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê đã được Bộ phê duyệt.

- Thu hồi 04 phòng tại tầng 1 nhà làm việc 4 tầng để đưa vào sử dụng, phục vụ hoạt động của Trường.

- Đề xuất cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có phương án di dời các hộ dân một số hộ cán bộ của Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội đang sinh sống trong khuôn viên nhà, đất được bàn giao cho Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam.

Nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc quản lý, thực hiện các dự án cải tạo, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất.

1.2. Xử lý kinh tế

Loại khỏi quyết toán gói thầu xây lắp dự án sửa chữa nhà làm việc 4 tầng, giá trị: -18.005.587 đồng.

1.3. Xử lý hành chính

Hiệu trưởng, tập thể lãnh đạo Trường, tập thể và các cá nhân có liên quan nghiêm túc rút kinh nghiệm về những tồn tại đã nêu tại mục 2 Phần III, đồng thời có biện pháp khắc phục ngay đối với những tồn tại, thiếu sót đã nêu trên, thực hiện đúng các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối với Vụ Kế hoạch, Tài chính

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản công của Trường.

- Nghiên cứu, hướng dẫn Trường có phương án trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường.

- Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để Trường chi trả cho các nhà thầu thực hiện dự án sửa chữa nhà làm việc 4 tầng.

Trên đây là Kết luận việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác quản lý tài chính; quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện các dự án cải tạo, mua sắm trang thiết bị trong các năm 2021, 2022, 2023 tại Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam. Đề nghị Hiệu trưởng Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung trong Kết luận này ./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy (để báo cáo);
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương (để báo cáo);
- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Vụ Kế hoạch, Tài chính (để phối hợp);
- Trường TCNTXVTKVN (để thực hiện);
- Lưu: VT, Hồ sơ Đoàn, CTr.09.

CHÁNH THANH TRA



Imamuel

Lê Thanh Liêm

Phụ lục 1: KHỐI LƯỢNG NHÀ THẦU CHỮA HOÀN THÀNH SO VỚI HỢP ĐỒNG
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA NHÀ LÀM VIỆC 4 TẦNG

Stt (HĐ)	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng Hợp đồng	Khối lượng thực hiện	Đơn giá Hợp đồng	Thành tiền Hợp đồng	Thành tiền thực hiện	Chênh lệch
40	Lát nền, sàn, kích thước gạch Granite 600x600, vữa XM mác 75	m ²	2.377,44	2.363,82	479.278	1.139.452.915	1.132.926.586	-6.526.329
70	SXLD cửa đi khung nhôm hệ Xingfa, kính an toàn dày 6,38mm Việt Nhật hoặc tương đương, phụ kiện đồng bộ	m ²	190,1950	189,40	3.809.232	724.496.880	721.449.495	-3.047.385
90	Gia công lan can sắt tầng mái	tán	1,6438	1,523	43.933.482	72.217.858	66.926.385	-5.291.473
105	Ống nhựa PVC D50	m	20,0	0,00	157.020	3.140.400	0	-3.140.400
	Tổng cộng							-18.005.587

✓

